

Số: 09/2025/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 27/11/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1944; nơi thường trú: số E, T, phường P, thành phố Hà Nội;

* **Đồng bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 và ông Đỗ Hữu Đ, sinh năm 1962; đều trú tại: khu Phố P, xã K, tỉnh Hưng Yên;

(Bà H là người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Đình Đ1).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Đình D1, sinh năm 1942; nơi thường trú: số E, T, phường P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Đình D1: Bà Đoàn Thị D (là nguyên đơn trong vụ án).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Tính đến ngày 07/8/2025, vợ chồng bà H, ông Đ1 còn nợ vợ chồng bà D, ông D1 tổng số tiền là: 316.000.000đ (ba trăm mười sáu triệu đồng). Các bên thỏa thuận gia hạn trả nợ cho vợ chồng bà H đến ngày 20/3/2026 nên vợ chồng bà H tiếp tục phải trả lãi cho vợ chồng bà D kể từ ngày 08/8/2025

đến ngày 20/3/2026 (tính tròn tháng) với số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Tổng khoản tiền vợ chồng bà H, ông Đ1 phải trả vợ chồng bà D, ông D1 là 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng).

- Về thời hạn trả nợ: Chậm nhất đến ngày 20/3/2026 (Dương lịch), vợ chồng bà H, ông Đ1 phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) cho vợ chồng bà D, ông D1.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn trả nợ, nếu người có nghĩa vụ trả nợ không trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, hoặc vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên, thì người được thi hành án có quyền làm đơn đề nghị thi hành án theo quy định của pháp luật; nếu người phải thi hành án chậm thanh toán trả các khoản tiền nợ nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

*** Về án phí:**

- Vợ chồng bà D, ông D1 và vợ chồng bà H, ông Đ1 mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.125.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà D, ông D1 và ông Đ1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.062.500 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được quy định theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND khu vực 3 - Hưng Yên;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

LÊ TRUNG KIÊN